

Trà Vinh, ngày tháng 06 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Quý đơn vị;**

Lời đầu tiên, Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của quý đơn vị. Bệnh viện Sản - Nhi có nhu cầu tiếp nhận báo giá làm cơ sở xây dựng giá gói thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm mẫu giấy, phiếu y và bệnh án phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025 cho Bệnh viện Sản - Nhi.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh
- Địa chỉ: Ấp Bến Có, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý đơn vị gửi về Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

- Gmail: bvsn.syt@travinh.gov.vn

3. Thông tin của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Trương Minh Quang – Số điện thoại: 0969 666 105.
- Gmail: minhquang.bvsn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút, ngày 04/06/2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 14/06/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mẫu giấy, phiếu y và bệnh án phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025 cho Bệnh viện Sản - Nhi.

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Quy cách, yêu cầu về kỹ thuật
1	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
2	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật (<i>Bảng kiểm soát bệnh nhân trước khi đưa lên phòng mổ</i>)	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
3	Bảng theo dõi trực mổ bồi dưỡng làm thêm giờ	Tờ	4.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
4	Bao phim X-Quang lớn	Cái	300	- Túi PE màu xanh - In thông tin 1 mặt - Kích thước: 35x50 cm
5	Bao phim X-Quang nhỏ	Cái	300	- Túi PE màu xanh - In thông tin 1 mặt - Kích thước: 30x40 cm
6	Biên bản bàn giao trẻ sơ sinh	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
7	Biên bản hội chẩn thông qua mổ (<i>Biên bản hội chẩn phẫu thuật</i>)	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
8	Phiếu yêu cầu sử dụng kháng sinh cần ưu tiên quản lý (<i>Biên bản hội chẩn sử dụng thuốc</i>)	Tờ	4.500	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
9	Biểu đồ chuyển dạ	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
10	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	11.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
11	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	8.000	- Giấy A5 hồng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
12	Giấy chuyển tuyến	Tờ	1.500	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
13	Phiếu điện tim (ECG)	Tờ	30.500	- Giấy A3 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen

14	Hồ sơ bệnh án Ngoại nhi	Bộ	3.500	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
15	Hồ sơ bệnh án Nhi khoa	Bộ	41.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
16	Hồ sơ bệnh án Phụ khoa	Bộ	8.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa vàng, cán PE mặt trong 1 mặt
17	Hồ sơ bệnh án Sản khoa	Bộ	20.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa xanh, cán PE mặt trong 1 mặt
18	Hồ sơ bệnh án Sơ sinh	Bộ	2.000	- Giấy A3 gấp đôi, ruột giấy bãi bằng, định lượng 60 - In mặt bìa hồng, cán PE mặt trong 1 mặt
19	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh nội trú (<i>Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho người bệnh không mang thai</i>)	Tờ	2.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
20	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dùng cho phụ nữ mang thai	Tờ	20.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
21	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi (<i>Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dùng cho trẻ em nằm viện</i>)	Tờ	40.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
22	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	30.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
23	Phiếu gây mê hồi sức	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
24	Phiếu lập kế hoạch chăm sóc	Tờ	19.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
25	Phiếu sử dụng VTYT tiêu hao cho đỡ đẻ	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
26	Phiếu sử dụng VTYT tiêu hao khoa PT-GMHS	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60

				- In 1 mặt, chữ đen
27	Phiếu tự khai - Ủy nhiệm bàn giao trẻ sơ sinh	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
28	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	155.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
29	Phiếu truyền máu	Tờ	3.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
30	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp 2-3)	Tờ	140.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
31	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	29.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
32	Phiếu trả bệnh án	Tờ	9.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
33	Phiếu chỉ định xét nghiệm giải phẫu bệnh sinh thiết	Tờ	2.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
34	Phiếu phẫu thuật - thủ thuật	Tờ	8.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
35	Sổ bàn giao thuốc tử trực	Cuốn	50	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/100 trang
36	Sổ đẻ	Cuốn	10	- Giấy A4 đóng cuốn, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/100 trang
37	Sổ họp giao ban	Cuốn	200	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/100 trang
38	Sổ kiểm tra buồng bệnh	Cuốn	50	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/100 trang
39	Sổ kiểm thảo tử vong	Cuốn	1	- Giấy A3 gấp đôi, bìa màu xanh, trang đầu in như trang bìa - Ruột giấy ford, định lượng 60

				- Cuốn/100 trang
40	Sổ lĩnh văn phòng phẩm, ấn phẩm, VRMH	Cuốn	40	- Giấy A4 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/20 trang
41	Sổ mời hội chẩn	Cuốn	25	- Giấy A4 gấp đôi, bìa màu xanh - Ruột giấy ford, định lượng 60 - Cuốn/100 trang
42	Thông tin bệnh nhân (Phiếu thông tin nhập viện)	Tờ	31.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 2 mặt, chữ đen
43	Trích biên bản hội chẩn	Tờ	5.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
44	Bảng kiểm thực hiện kiểm tra, đối chiếu người bệnh và dịch vụ cung cấp	Tờ	26.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
45	Bảng kiểm đối chiếu người bệnh	Tờ	26.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen
46	Bảng kiểm tiêm chủng đối với trẻ <1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện	Tờ	10.000	- Giấy A4 trắng, định lượng 60 - In 1 mặt, chữ đen

2. Địa điểm khảo sát và thực hiện công việc: Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh

Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTHCVCBMT

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Dũng